

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc**

Bản án số: 322/2025/HS-ST
Ngày: 19-6-2025

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đoàn Thị Hương Giang

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Thành Châu

Bà Võ Thị Nam

Thư ký tòa án ghi biên bản phiên tòa: Ông Hồ Ngọc Trường

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên
tòa:* Bà Lê Thị Yến Như – Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 6 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 379/2025/TLST-HS ngày 14 tháng 5 năm 2025 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 2774/2025/QĐXXST-HS ngày 27 tháng 5 năm 2025 đối với bị cáo:

1) Nguyễn Ngọc T (tên gọi khác: Đô, Đô Chuột); Sinh ngày 23/02/1982 tại Thành phố Hà Nội; Thường trú: 03 Ngõ 5 Vạn Phúc, Phường Kim Mã, quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 9/12; Giới tính: Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Nguyễn Trọng L và bà Nguyễn Thị Ngọc O; Bị cáo có vợ tên Lê Gia L1 và 01 con sinh năm 2017; Tiền án, tiền sự: Không; Nhân thân: 1) Tại Bản án hình sự phúc thẩm số 451/2006/HSPT ngày 30/8/2006 của Tòa án nhân dân Thành phố Hà Nội xử phạt 06 tháng 04 ngày tù về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản"; 2) Bản án hình sự sơ thẩm số 75/2007/HSST ngày 23/4/2007 của Tòa án nhân dân huyện N, Thành phố Hà Nội xử phạt 18 tháng tù về tội "Trộm cắp tài sản".

Bị bắt tạm giam từ ngày 04/7/2024— Có mặt.

2) Bùi Thế D; Sinh ngày 12/11/1983 tại Thành phố Hồ Chí Minh ; Thường trú: X Trường Chinh, phường T, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh ; Nghề

nghề nghiệp: Kinh doanh; Trình độ học vấn: 10/12; Giới tính: Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Công giáo; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Bùi Văn G và bà Trần Thị H2; Bị cáo có vợ tên Nguyễn Thị Thu H3 và có 02 con, lớn sinh năm 2011, nhỏ sinh năm 2015; Tiền án, tiền sự: Không; Bị bắt tạm giam từ ngày 20/3/2025 đến ngày 23/4/2025 được thay thế biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú.

Bị cáo tại ngoại – Có mặt.

3) Phạm Nghiêm M; Sinh ngày 16/7/1985 tại Thành phố Hồ Chí Minh ; Thường trú: X Pasteur, phường B, Quận 1, Thành phố Hồ CHÍ MINH; Chỗ ở : Y Ký Con, phường N, Quận 1, Thành phố Hồ CHÍ MINH; Nghề nghiệp: Kinh doanh; Trình độ học vấn: 10/12; Giới tính: Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Phạm Ngọc L2 và bà Nghiêm Anh V; Bị cáo có vợ tên Trần Thị Thùy T2 và 04 con, 02 con lớn sinh năm 2021, 02 con nhỏ sinh năm 2024; Tiền án, tiền sự: Không; Bị bắt tạm giam từ ngày 20/3/2025 đến ngày 23/4/2025 được thay thế biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú.

Bị cáo tại ngoại – Có mặt.

Người bào chữa:

1) Ông Ngô Phước C là luật sư của Công ty Luật TNHH Tư Minh thuộc Đoàn luật sư Thành phố Hồ Chí Minh bào chữa cho bị cáo Bùi Thế D– Có mặt.

2) Ông Nguyễn Hữu Thế T1 là luật sư của Công ty Luật TNHH MTV An Phan Na thuộc Đoàn luật sư Thành phố Hồ Chí Minh bào chữa cho bị cáo Phạm Nghiêm M– Có mặt.

Bị hại:

1) Phạm Nghiêm M, sinh năm 1985; Trú tại: 138 Pasteur, phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh ; Chỗ ở: 165 Ký Con, phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh (đồng thời là bị cáo trong vụ án) – Có mặt.

2) Bùi Thế D, sinh năm 1983; Trú tại: 138 Pasteur, phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh (đồng thời là bị cáo trong vụ án) – Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Nhà hàng Karaoke Crystal K, tại địa chỉ số X Bùi Thị Xuân, phường P, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh do Phạm Nghiêm M cùng 03 cổ đông là Bùi Thế D, Hồ Nam H4 và Nguyễn Viết K2 làm chủ, trong đó M có 44% cổ phần, D có 10% cổ phần, ông H4 có 27% cổ phần và ông K2 có 19% cổ phần. Do M là

người chiếm nhiều cổ phần nhất nên giữ quyền quyết định và điều hành Nhà hàng Karaoke Crystal K.

Cuối năm 2023, Phạm Nghiêm M bàn với Bùi Thế D về việc tìm người lo lót để Nhà hàng Karaoke Crystal K không bị kiểm tra, xử lý khi có vi phạm, D nói có quen người tên T2 (hiện chưa rõ lai lịch), người này quen biết nhiều người có chức vụ tại Thành phố Hồ Chí Minh và sẽ nhờ T2 giúp đỡ, M đồng ý. Sau khi D liên lạc với T2 thì T2 điện thoại cho D và giới thiệu Nguyễn Ngọc T (tên gọi khác là Đô) là người rất thân với Trưởng phòng Cảnh sát hình sự Công an Thành phố Hồ Chí Minh. Đồng thời, T2 nói T sẽ vào Thành phố Hồ Chí Minh và kêu D đón T để hai bên gặp mặt trao đổi việc nhờ T giúp Nhà hàng Crystal K không bị kiểm tra.

Khoảng tháng 01/2024 (gần tết âm lịch), D đón T tại sân bay Tân Sơn Nhất và đưa đến Nhà hàng Tầu Lầu (địa chỉ số X Nam Quốc Cang, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh) rồi điện thoại cho M đến gặp mặt T. Tại đây, M và D nói cho T biết Nhà hàng Karaoke Crystal K kinh doanh ăn uống có tiếp viên nữ rót bia nên tìm người tác động để nhà hàng không bị kiểm tra, xử lý. Lúc này, T nói có quen biết nhiều người, trong đó có Trưởng phòng Cảnh sát hình sự Công an Thành phố Hồ Chí Minh, T hứa sẽ tác động để giúp Nhà hàng Karaoke Crystal K không bị kiểm tra. M đồng ý chi số tiền 250.000.000 đồng/01 tháng cho T. Sau khi thỏa thuận xong, M đưa T về khách sạn A25 (số X-Y Nguyễn Trãi, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh). Khi xe dừng trước khách sạn, M đã đưa cho T số tiền 250.000.000 đồng trước khi T xuống xe. Sau khi nhận tiền, T tiêu xài và trả nợ cá nhân hết mà không đưa cho ai và cũng không có hành động nào giúp cho Nhà hàng Karaoke Crystal K như đã hứa hẹn với M và D.

Ngày 21/3/2024, nhà hàng Crystal K bị Phòng Cảnh sát hình sự, Công an Thành phố Hồ Chí Minh kiểm tra do có 04 nữ tiếp viên bán dâm cho khách bên ngoài. Do nhà hàng bị kiểm tra nên Phạm Nghiêm M và Bùi Thế D trình báo việc đã đưa số tiền 250.000.000 đồng cho Nguyễn Ngọc T để lo lót nhờ người có thẩm quyền can thiệp Nhà hàng Karaoke Crystal K không bị kiểm tra, xử lý khi bị vi phạm.

Đến ngày 03/7/2024, Nguyễn Ngọc T đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Thành phố Hồ Chí Minh đầu thú.

Ngày 14/3/2025, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Thành phố Hồ Chí Minh ra Quyết định khởi tố bị can và Lệnh bắt bị can để tạm giam đối với Phạm Nghiêm M và Bùi Thế D.

Tại bản cáo trạng số 304/CT-VKS-P2 ngày 07 tháng 5 năm 2025 của Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đã truy tố bị cáo Nguyễn Ngọc T về

tội: “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo điểm a khoản 3 Điều 174 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017; truy tố các bị cáo Phạm Nghiêm M và Bùi Thế D về tội “Đưa hối lộ” theo điểm e khoản 2 Điều 364 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Tại phiên tòa, các bị cáo Nguyễn Ngọc T, Phạm Nghiêm M và Bùi Thế D đã thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội như Bản cáo trạng đã truy tố.

Các bị cáo Phạm Nghiêm M và Bùi Thế D đồng thời là bị hại trong vụ án đề nghị tạm giữ số tiền 250.000.000 đồng mà gia đình bị cáo T nộp trong giai đoạn xét xử để đảm bảo nghĩa vụ thi hành án đối với tội danh “Đưa hối lộ”.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh trong phần tranh luận sau khi phân tích, đánh giá tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi, hậu quả của tội phạm mà các bị cáo gây ra, các tình tiết tăng nặng giảm nhẹ trách nhiệm hình sự vẫn giữ nguyên nội dung truy tố bị cáo Nguyễn Ngọc T về tội: “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”; truy tố các bị cáo Phạm Nghiêm M và Bùi Thế D về tội: “Đưa hối lộ”. Đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng điểm a khoản 3 Điều 174; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017,

Xử phạt bị cáo Nguyễn Ngọc T từ 07 năm đến 08 năm tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

Áp dụng điểm e khoản 2 Điều 364; điểm s, t khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 65 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017,

Xử phạt bị cáo Phạm Nghiêm M từ 02 năm đến 03 năm tù về tội “Đưa hối lộ” nhưng cho bị cáo được hưởng án treo.

Xử phạt bị cáo Bùi Thế D từ 02 năm đến 03 năm tù về tội “Đưa hối lộ” nhưng cho bị cáo được hưởng án treo.

Về dân sự, xử lý vật chứng, án phí và các vấn đề khác đề nghị xử lý, giải quyết theo quy định của pháp luật.

Bị cáo Nguyễn Ngọc T đồng ý về tội danh, điều khoản áp dụng mà Viện kiểm sát đã đề nghị, chỉ xin giảm nhẹ hình phạt để sớm trở về hòa nhập xã hội vì đã nộp lại toàn bộ số tiền chiếm đoạt, thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải.

Luật sư Nguyễn Hữu Thế T1 bào chữa cho bị cáo Phạm Nghiêm M trình bày: Luật sư thống nhất về tội danh và điều khoản mà Viện kiểm sát đã truy tố đối với bị cáo M. Tuy nhiên, luật sư đề nghị xem xét vai trò của bị cáo trong vụ án, bởi các bị cáo M, D cũng đồng thời là bị hại trong chuỗi hành vi gian dối, chiếm đoạt tài sản của bị cáo Nguyễn Ngọc T. Đồng thời, tại thời điểm được Cơ

quan Công an mời lên làm việc lần đầu liên quan đến việc 04 nhân viên nhà hàng Crystal K có bán dâm cho khách hàng bên ngoài, bị cáo đã chủ động làm đơn tố giác hành vi “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” của bị cáo Nguyễn Ngọc T. Về tình tiết giảm nhẹ, luật sư đề nghị xem xét áp dụng các tình tiết giảm nhẹ bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, đã tích cực hợp tác với cơ quan tiến hành tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án, số tiền của hồi lộ đã được bị cáo T nộp lại để đảm bảo thi hành biện pháp tư pháp đối với bị cáo M. Về nhân thân, bị cáo có nhân thân tốt, lần đầu phạm tội, bị cáo có ông bà ngoại là Nghiêm Chính K và Trần Thị K1 được tặng bằng gia đình vẻ vang, có bác ruột bên vợ là Liệt Sỹ Nguyễn H; quá trình lao động, sản xuất bị cáo có nhiều hoạt động thiện nguyện được tặng nhiều giấy khen, bằng khen, thư cảm ơn chính quyền địa phương, các tổ chức chính trị xã hội. Từ đó, luật sư đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm s, t khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 65 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017, quyết định mức hình phạt nhẹ hơn mức đề nghị của Viện kiểm sát và cho bị cáo được hưởng án treo.

Bị cáo Phạm Nghiêm M đồng ý quan điểm bào chữa của luật sư và không bào chữa bổ sung.

Luật sư Ngô Quốc Cường bào chữa cho bị cáo Bùi Thế D trình bày: Luật sư thống nhất về tội danh và điều luật, cũng như mức đề nghị mà Viện kiểm sát đã luận tội với bị cáo D. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét toàn diện, khách quan vụ án, cân nhắc vai trò, các tình tiết giảm nhẹ, nhân thân của bị cáo D để quyết định mức án như đề nghị của Viện kiểm sát và cho bị cáo được hưởng án treo.

Bị cáo Bùi Thế D đồng ý quan điểm bào chữa của luật sư và không bào chữa bổ sung.

Lời nói sau cùng: Bị cáo T xin được giảm nhẹ hình phạt để sớm về với xã hội làm lại cuộc đời. Các bị cáo M, D xin được hưởng án treo để tiếp tục đi làm, phụng dưỡng cha, mẹ, nuôi các con còn nhỏ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát Điều tra, Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền quy định của Bộ luật tố tụng hình sự.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, người bào chữa không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến

hành tố tụng. Tại các bản tự khai, biên bản lấy lời khai, biên bản hỏi cung bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đều trình bày lời khai hoàn toàn tự nguyện, không bị ép cung, nhục hình. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về nội dung, Hội đồng xét xử đánh giá như sau: Qua thẩm tra xét hỏi và tranh luận tại phiên tòa, các bị cáo Nguyễn Ngọc T, Bùi Thế D, Phạm Nghiêm M đã thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình. Lời khai nhận tội của các bị cáo tại phiên tòa được xác định phù hợp với nhau và phù hợp với lời khai của các bị cáo tại cơ quan điều tra; kết quả xác M tài khoản ngân hàng; số điện thoại; biên bản nhận dạng, cùng các tài liệu chứng cứ khác do Cơ quan điều tra thu thập được có trong hồ sơ của vụ án. Hội đồng xét xử có đủ cơ sở xác định:

[2.1] Phạm Nghiêm M và Bùi Thế D là thành viên góp vốn, đồng thời là người quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh của Nhà hàng Karaoke Crystal K, địa chỉ số 103 Bùi Thị Xuân, phường Phạm Ngũ Lão, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh. Vào khoảng tháng 01/2024, với mục đích tránh việc nhà hàng Karaoke Crystal K bị lực lượng chức năng kiểm tra, phát hiện sai phạm vì hoạt động sau 12 giờ đêm, thì M đã bàn bạc cùng với D chủ động tìm người có mối quan hệ xã hội để tác động đến người có thẩm quyền, giúp cho nhà hàng của M và D không bị kiểm tra. Theo đó, thông qua giới thiệu của đối tượng T2 (chưa rõ lai lịch), M và D biết và liên hệ với Nguyễn Ngọc T để nhờ giúp đỡ. Lợi dụng sự việc nêu trên, T đã đưa ra thông tin gian dối về việc bản thân có quen biết với nhiều người có chức vụ của cơ quan chức năng, trong đó có Trưởng phòng Cảnh sát Hình sự Công an Thành phố Hồ Chí Minh, có thể giúp nhà hàng của M và D không bị kiểm tra. Từ đó, làm các bị cáo M và D tin tưởng rồi thỏa thuận, thống nhất đưa số tiền 250.000.000 đồng cho T, để T tác động đến người có thẩm quyền giúp các bị cáo. Tuy nhiên, sau khi nhận tiền từ M thì T tiêu xài cá nhân và trả nợ hết mà không đưa tiền cho bất kỳ cá nhân nào khác hoặc không có hành động giúp đỡ nhà hàng Karaoke Crystal K khi bị lực lượng Công an kiểm tra vào ngày 21/3/2024. Ngày 25/3/2024, bị cáo M có đơn tố giác hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản của Nguyễn Ngọc T.

[2.2] Với diễn biến hành vi khách quan và hậu quả của tội phạm nêu trên, đã đủ cơ sở kết tội bị cáo Nguyễn Ngọc T phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”. Tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm a khoản 3 Điều 174 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017. Các bị cáo Phạm Nghiêm M, Bùi Thế D phạm tội “Đưa hối lộ”. Tội phạm và hình phạt quy định tại điểm e khoản 2 Điều 364 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017

như bản cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đã truy tố là có căn cứ, đúng người, đúng tội.

[3] Hội đồng xét xử xét thấy hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, trong đó, hành vi của bị cáo Nguyễn Ngọc T đã xâm phạm đến tài sản hợp pháp của người khác được pháp luật bảo vệ, hành vi của các bị cáo Phạm Nghiêm M, Bùi Thế D đã xâm phạm đến hoạt động đúng đắn và uy tín của cơ quan Nhà nước, gây mất trật tự, an toàn xã hội. Bị cáo là người trên 18 tuổi, không thuộc trường hợp không có năng lực trách nhiệm hình sự, nhưng cố ý thực hiện hành vi phạm tội nên cần xử phạt các bị cáo một mức án tương xứng với tính chất, mức độ của hành vi phạm tội và hậu quả của tội phạm mà bị cáo đã thực hiện. Tuy nhiên, khi quyết định hình phạt, Hội đồng xét xử cũng cân nhắc, xem xét các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của bị cáo.

[4] Về tình tiết tăng nặng: Các bị cáo không có tình tiết tăng nặng quy định tại khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

[5] Về tình tiết giảm nhẹ:

[5.1] Quá trình điều tra, truy tố, xét xử các bị cáo có thái độ thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải nên được xem xét áp dụng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

[5.2] Bị cáo Phạm Nghiêm M đã chủ động tố giác hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản của bị cáo Nguyễn Ngọc T, quá trình điều tra các bị cáo M, D có các lời khai, trình bày thể hiện sự hợp tác tích cực với cơ quan tiến hành tố tụng trong việc nhanh chóng làm sáng tỏ vụ án nên được Hội đồng xét xử xem xét áp dụng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm t khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

[5.3] Tại giai đoạn chuẩn bị xét xử, bị cáo Nguyễn Ngọc T đã tác động gia đình nộp lại toàn bộ số tiền chiếm đoạt 250.000.000 đồng của các bị cáo M, D nên được xem xét áp dụng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm b khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

[5.4] Gia đình bị cáo Bùi Thế D có cô ruột Bùi Thị Lư là Bà mẹ Việt Nam anh hùng, cô ruột Bùi Thị Giác là thương binh hạng 3; Gia đình bị cáo Phạm Nghiêm M có ông bà ngoại là Nghiêm Chính Kiện và Trần Thị Khương được tặng bằng gia đình vẻ vang, có bác ruột bên vợ là Liệt Sĩ Nguyễn Hai, bị cáo có nhiều hoạt động thiện nguyện được tặng nhiều giấy khen, bằng khen, thư cảm ơn chính quyền địa phương, các tổ chức chính trị xã hội; bị cáo Nguyễn Ngọc T đã chủ động đầu thú nên được Hội đồng xét xử xem xét áp dụng tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

[6] Về nhân thân: Bị cáo Phạm Nghiêm M, Bùi Thế D phạm tội lần đầu, chưa có tiền án tiền sự nên được xem xét là người có nhân thân tốt khi quyết định hình phạt theo quy định tại Điều 50 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017. Riêng bị cáo Nguyễn Ngọc T từng bị Tòa án kết án về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”, “Trộm cắp tài sản” vào các năm 2006, 2007, mặc dù bị cáo đã chấp hành xong bản án và đương nhiên xóa án tích nhưng vẫn bị coi là người có nhân thân xấu khi quyết định hình phạt.

[7] Căn cứ tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội, đặc điểm nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự như đã nêu, Hội đồng xét xử xét thấy:

[7.1] Đối với bị cáo Nguyễn Ngọc T đã nộp lại toàn bộ số tiền chiếm đoạt là thể hiện thái độ ăn năn, hối cải, tự nguyện sửa chữa, đã ra đầu thú tại Cơ quan Điều tra. Xét bị cáo có 03 tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, trong đó có 02 tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017, không có tình tiết nặng nên Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 54 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017, quyết định mức hình phạt tù dưới mức thấp nhất của khung hình phạt được áp dụng cũng đủ tác dụng giáo dục, răn đe bị cáo và phòng ngừa chung cho xã hội. Đồng thời, đảm bảo nguyên tắc khoan hồng trong xử lý người phạm tội theo quy định tại Điều 3 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

[7.2] Đối với các bị cáo Phạm Nghiêm M, Bùi Thế D cần áp dụng loại hình phạt tù có thời hạn theo quy định tại Điều 38; điểm e khoản 2 Điều 364 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 như mức đề nghị của vị đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa. Tuy nhiên, xét các bị cáo phạm tội thuộc trường hợp đồng phạm giản đơn, có vai trò như nhau khi cùng thực hiện hành vi phạm tội; đã chủ động khai báo, tố giác tội phạm; tự nguyện sử dụng toàn bộ số tiền mà bị cáo T khắc phục trong giai đoạn chuẩn bị xét xử để nộp lại của hồi lộ là thể hiện thái độ ăn năn hối cải; các bị cáo đồng thời là bị hại của hành vi “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” trong vụ án. Đồng thời, xét các bị cáo nhiều tình tiết giảm nhẹ, trong đó có 02 tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017, không có tình tiết tăng nặng, các bị cáo hiện có công việc, nơi cư trú ổn định nên có khả năng tự cải tạo, việc cho các bị cáo hưởng án treo không gây nguy hiểm cho xã hội, do đó, Hội đồng xét xử cân nhắc, áp dụng Điều 65 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017, quyết định mức phạt tù trong khung hình phạt (như đã phân tích trên) nhưng cho các bị cáo được hưởng án treo, giao các bị cáo cho chính quyền địa phương nơi cư trú giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách cũng đủ tác dụng giáo dục, răn đe và phòng ngừa chung.

[8] Đối với lời khai của Phạm Nghiêm M và Bùi Thế D về việc T2 điện thoại cho D nói T không vào Thành phố Hồ Chí Minh nên yêu cầu D chuyển số tiền 250.000.000 đồng vào số tài khoản 19026843727026 đứng tên Nguyễn Duy Anh, mở tại Techcombank, D nói lại với M và M nhờ D chuyển tiền số tiền trên cho T2. Ngày 05/3/2024, D đã chuyển số tiền trên vào số tài khoản do T2 chỉ định. Tuy nhiên, Nguyễn Ngọc T khai không biết việc T2 nhận số tiền 250.000.000 đồng của D và M. Qua xác minh, Nguyễn Duy Anh không có mặt tại địa phương và đối tượng tên T2 (chưa rõ lai lịch), hiện chỉ có lời khai của D và M nên Cơ quan Điều tra, Viện kiểm sát không đủ cơ sở xác định việc M và D đưa số tiền 250.000.000 đồng trên cho T. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 298 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2021 về giới hạn xét xử, chỉ xét xử các bị cáo về hành vi theo tội danh mà cáo trạng của Viện kiểm sát truy tố và Tòa án đã quyết định đưa vụ án ra xử.

[9] Đối với đối tượng tên T2 hiện chưa rõ lai lịch và Nguyễn Duy Anh hiện không rõ ở đâu, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Thành phố Hồ Chí Minh tiếp tục điều tra xác M làm rõ xử lý sau khi có cơ sở.

[10] Đối với Hồ Nam H4 và Nguyễn Viết K2 là cổ đông của Nhà hàng Karaoke Crystal K, do không có hành vi tham gia, bàn bạc với Phạm Nghiêm M và Bùi Thế D trong việc gặp gỡ Nguyễn Ngọc T đưa tiền nhờ tìm người lo lót để Nhà hàng Karaoke Crystal K không bị kiểm tra. Do đó, Cơ quan Điều tra, Công an Thành phố Hồ Chí Minh, Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh không xử lý trách nhiệm Hồ Nam Huy và Nguyễn Viết K2 là phù hợp.

[11] Về dân sự và biện pháp tư pháp: Tại phiên tòa, các bị cáo Phạm Nghiêm M, Bùi Thế D yêu cầu bị cáo Nguyễn Ngọc T trả lại số tiền 250.000.000 đồng để đảm bảo thi hành biện pháp tư pháp nộp sung ngân sách Nhà nước số tiền là của hồi lộ. Bị cáo T đồng ý và đề nghị cản trừ vào số tiền gia đình bị cáo đã nộp tại giai đoạn chuẩn bị xét xử để đảm bảo thi hành án. Xét, đây thỏa thuận tự nguyện, không trái pháp luật giữa các bị cáo nên Hội đồng xét xử ghi nhận, buộc bị cáo T trả lại số tiền chiếm đoạt 250.000.000 đồng để sung ngân sách Nhà nước, đồng thời tạm giữ số tiền 250.000.000 đồng đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0016883 ngày 10/6/2025 của Cục Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh, để đảm bảo thi hành án.

[12] Về xử lý vật chứng:

[12.1] Đối với 01 điện thoại di động màu đen hiệu Nokia, model TA-1375, trong máy có gắn 01 sim số thuê bao 0368855555, Imei: 355406843401266 thu giữ của Nguyễn Ngọc T là phương tiện các bị cáo sử dụng thực hiện hành vi phạm tội, xét cần tịch thu sung Ngân sách Nhà nước.

[12.2] Đối với 01 điện thoại di động hiệu Redmi, Model 23016RNODA, trong máy có gắn 01 sim số thuê bao 0523432215 và số 0879565703; 01 điện thoại di động hiệu Iphone Promax màu xám đen, imei 359735195682479, trong máy có gắn 01 sim số thuê bao 0927483198 thu giữ của bị cáo Nguyễn Ngọc T là tài sản hợp pháp của bị cáo, không liên quan đến tội phạm, xét trả lại cho bị cáo T.

[13] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo qui định của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015 và Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội,

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ điểm a khoản 3 Điều 174; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38; Điều 50; khoản 1 Điều 54 của Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017,

Xử phạt bị cáo **Nguyễn Ngọc T** 05 (năm) năm tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”. Thời hạn tù tính từ ngày 04/7/2024.

Căn cứ điểm e khoản 2 Điều 364; điểm s, t khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38; Điều 50; Điều 58; Điều 65 của Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017,

Xử phạt bị cáo **Phạm Thế D** 02 (hai) năm tù về tội “Đưa hối lộ” nhưng cho bị cáo được hưởng án treo. Thời gian thử thách là 04 (bốn) năm kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân phường Tây Thạnh, quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định của Luật thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, nếu người được hưởng án treo có ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật Thi hành án hình sự 02 lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Xử phạt bị cáo **Phạm Nghiêm M** 02 (hai) năm tù về tội “Đưa hối lộ” nhưng cho bị cáo được hưởng án treo. Thời gian thử thách là 04 (bốn) năm kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định của Luật thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, nếu người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật Thi hành án hình sự 02 lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Căn cứ Điều 47; Điều 48 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017,

Buộc bị cáo Nguyễn Ngọc T trả lại số tiền 250.000.000 (hai trăm năm mươi triệu) đồng, đã chiếm đoạt của các bị cáo Phạm Nghiêm M, Bùi Thế D, để sung Ngân sách Nhà nước.

Tiếp tục tạm giữ số tiền 250.000.000 (hai trăm năm mươi triệu) đồng của bị cáo Nguyễn Ngọc T để đảm bảo thi hành án. (Theo biên lai thu tiền số 0016883 ngày 10/6/2025 của Cục Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh).

Tịch thu sung ngân sách nhà nước: 01 điện thoại di động màu đen hiệu Nokia, model TA-1375, trong máy có gắn 01 sim số thuê bao 0368855555, Imei: 355406843401266 (không kiểm tra được đời máy, số thuê bao do không có nguồn điện, không kiểm tra được tình trạng máy móc bên trong).

Trả lại cho bị cáo Nguyễn Ngọc T: 01 điện thoại di động hiệu Redmi, Model 23106RNODA, trong máy có gắn 01 sim số thuê bao 0523432215 và số 0879565703 (không kiểm tra được đời máy, số thuê bao do không có nguồn điện, không kiểm tra được tình trạng máy móc bên trong) ; 01 điện thoại di động hiệu Iphone Promax màu xám đen, imei 359735195682479, trong máy có gắn 01 sim số thuê bao 0927483198 (thực nhận 01 điện thoại di động kiểu dáng Iphone màu xám đen, không kiểm tra được đời máy, Imei, sim số do không có nguồn điện, không kiểm tra được tình trạng máy móc bên trong).

Theo biên bản giao nhận tang tài vật số: NK/2025/412 ngày 03 tháng 6 năm 2025 của Cục Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh.

Căn cứ khoản 2 Điều 135; khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự và Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội,

Mỗi bị cáo phải chịu 200.000 (hai trăm ngàn) đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo Nguyễn Ngọc T phải chịu 12.500.000 (mười hai triệu năm trăm ngàn) đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, các bị cáo, các bị hại (đồng thời là

bị cáo trong vụ án) có quyền kháng cáo xin xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND TC; (1)
- TAND Cấp Cao; (1)
- VKSND TP. HCM; (3)
- Cục THA DS TP. HCM; (1)
- Sở tư pháp; (1)
- Cơ quan điều tra; (1)
- Trại tạm giam; (2)
- Bị cáo; (3)
- Đường sự; (2)
- THA HS; (1)
- Phòng PV06 - CA TP. HCM; (1)
- UBND nơi bị cáo cư trú; (1)
- Lưu: VT, THS, hồ sơ; (23) (3)

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đoàn Thị Hương Giang

